



**TESTING REPORT/  
 BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09

**I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:**

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN LÁ MÂY  
 Address (Địa chỉ) : Thôn 3, Xã Yên Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:**

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN14226020  
 Information provided by applicant : Mỡ muối umeboshi  
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)  
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong hộp kín còn nguyên vẹn  
 Seal No (Số niêm) : Không niêm phong  
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu  
 Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -  
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 06/10/2025  
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 06/10/2025  
 Report date (Ngày trả kết quả) : 28/10/2025  
 Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : Không lưu mẫu

**Note / Ghi chú:**

- (\*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu  
 LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

**Authorized Technical Representative**  
**Phụ trách kỹ thuật**

**ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH**

**On behalf of NATEK**  
**Đại diện NATEK**



**HOÀNG VĂN HUYNH**

**NATEK JSC**

## TESTING REPORT/

## BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09



Code/ Mã mẫu:		KN14226020/5		
Sample name/ Tên mẫu:		Mơ muối		
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Mơ muối umeboshi		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Natri (Na) <sup>(1)</sup>	TCVN 10916: 2015	mg/100g	0.500	5 228
Chất béo <sup>(1)</sup>	NTL-HH1135 (Ref: AOAC 963.15)	g/100g	/	0.121
Carbohydrate	NTL-HH 280 Ref.FAO food energy 02:2003	g/100g	/	62.5
Năng lượng <sup>(1)</sup>	NTL-HH 279 Ref.FAO food energy 02:2003	kcal/100g	/	280
Salmonella spp. <sup>(1)</sup>	ISO 6579- 1:2017/Amd. 1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50= 3 CFU/25g	ND
E.coli <sup>(1)</sup>	ISO 16649- 2:2001	CFU/g	/	<10
Asen (As) <sup>(1)</sup>	AOAC 986.15	mg/kg	0.010	ND
Chì (Pb) <sup>(1)</sup>	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	0.054
Aflatoxin tổng số <sup>(1)</sup>	NTL-HH619 Ref.TFAC2008-393.R1	µg/kg	0.500	ND
Aflatoxin B1 <sup>(1)</sup>	NTL-HH619 Ref.TFAC2008-393.R1	µg/kg	0.500	ND
Đường tổng số	NTL-HH 1091 Ref. TCVN 4594:1988	g/100g	/	0.759
Chất đạm <sup>(*)</sup>	CH.TM-0255 (Ref. FAO 14/7:1986, p.221-223)	g/100g	0.10	7.37
Lưu ý: Carbohydrate (không bao gồm chất xơ)				